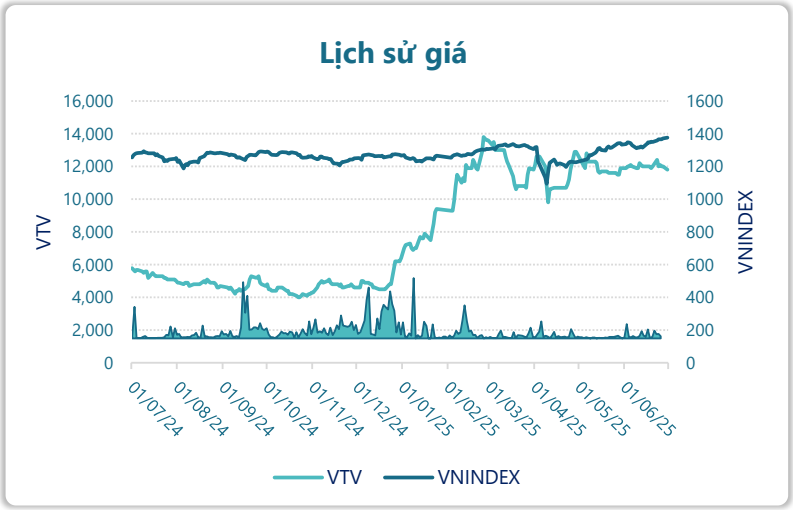
FireAnt

CTCP Năng lượng và Môi trường VICEM (HNX: VTV)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,000
SL cổ phiếu LH	31,199,825
KLGD BQ 20 phiên (CP)	52,910
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	368
P/E	14840.2
EPS	1

DT thuần

Q2/25

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 2.8%

YoY: ▼104| -28.0%

LN sau thuế

Q2/25

0.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.31| 343%

YoY: ▲ 4.38| 110%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.2%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

6T 2025

526

tỷ VNĐ

YoY: ▼122| -18.8%

LN sau thuế

6T 2025

0.49

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.01| 108%

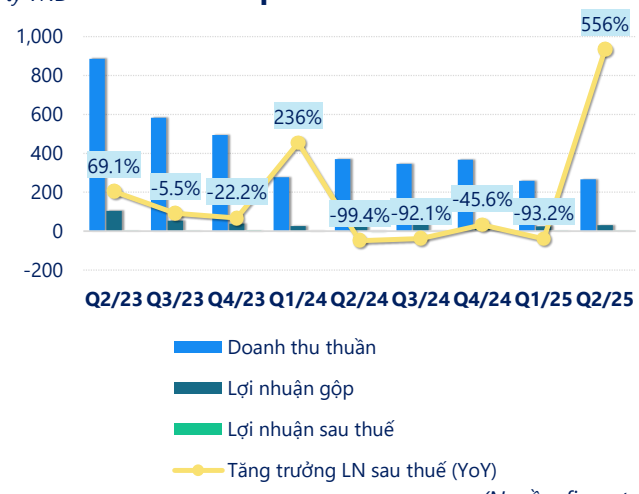
ROE

Q2/25

0.0%

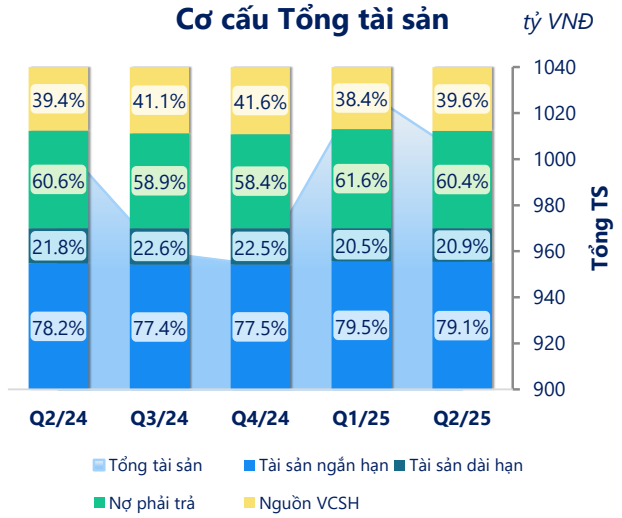
+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh



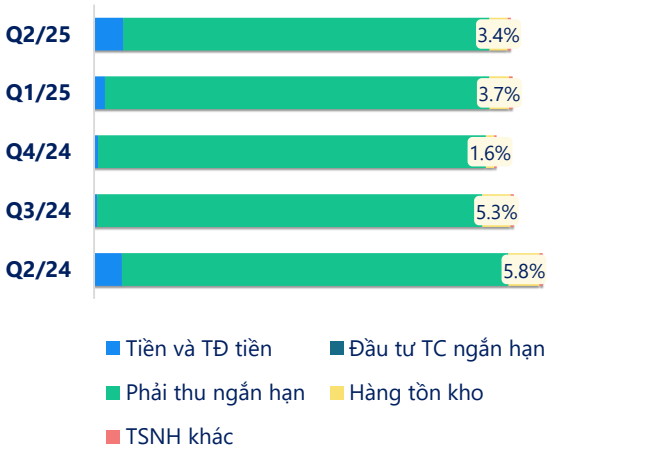
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



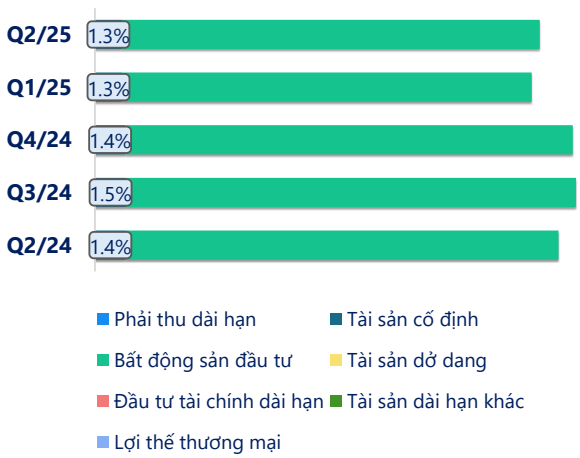
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



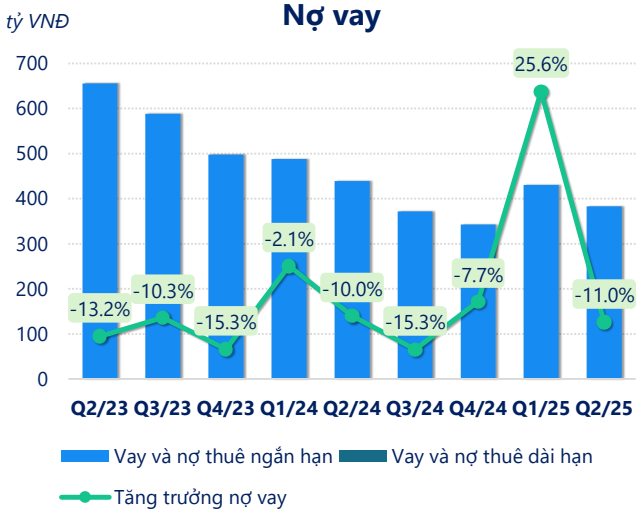
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



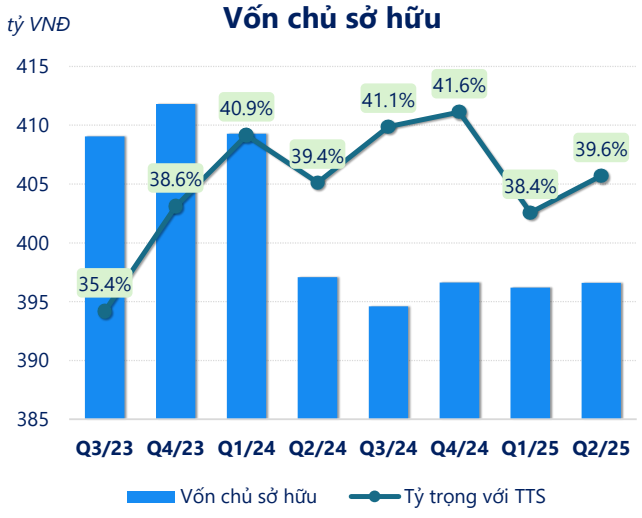
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



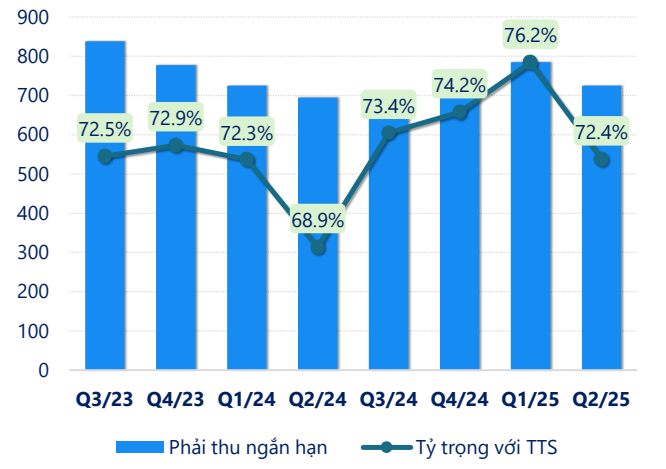
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



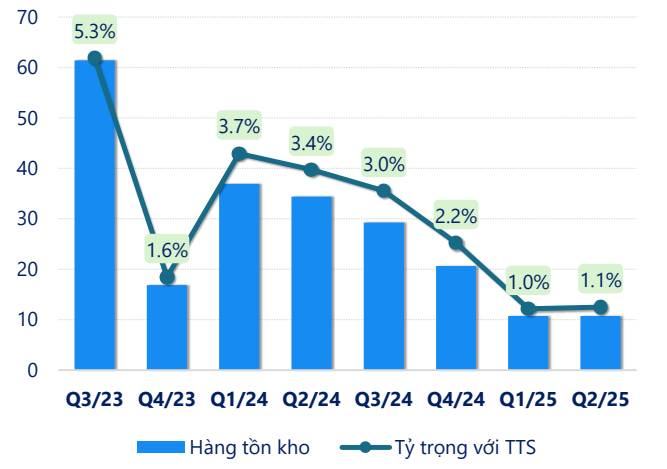
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



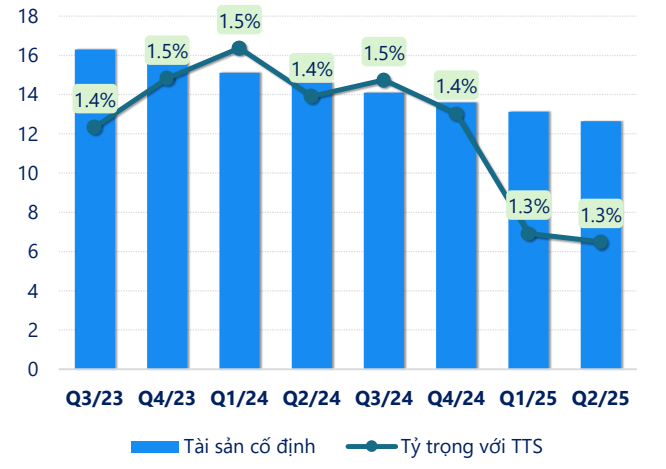
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



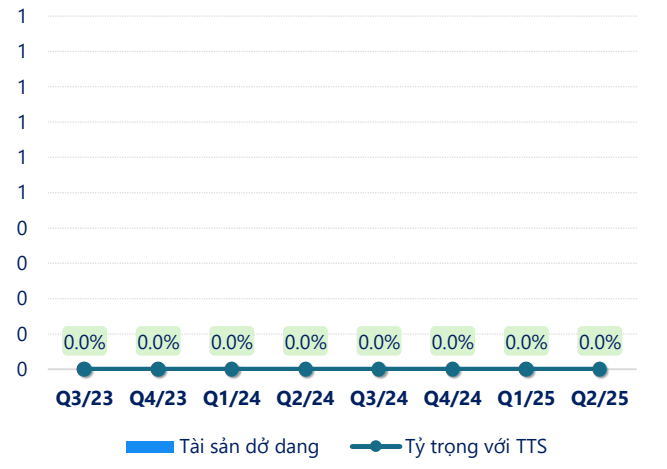
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



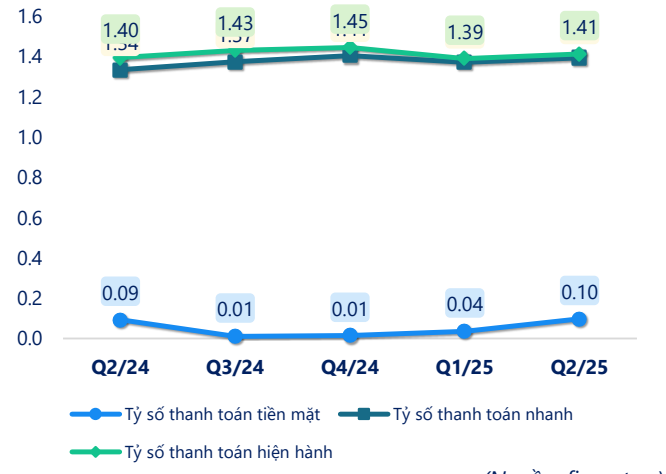
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



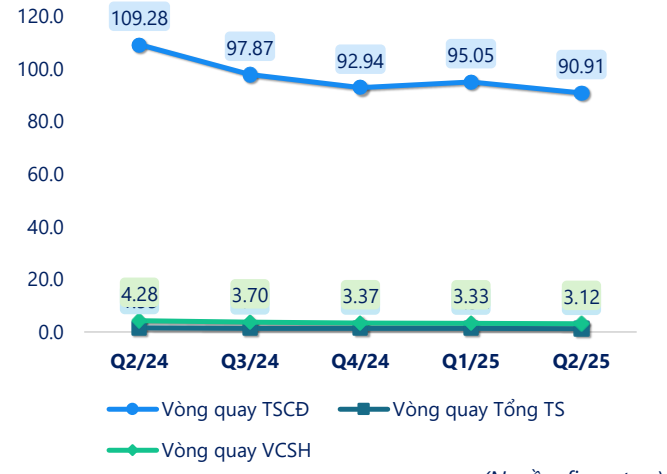
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,008**	**959**	**954**	**1,031**	**1,002**
Tài sản ngắn hạn	**788**	**742**	**740**	**819**	**792**
Tiền và tương đương tiền	52.9	5.39	7.17	20.9	54.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	695	704	708	785	725
Hàng tồn kho	34.4	29.2	20.6	10.8	10.8
Tài sản ngắn hạn khác	6.62	3.43	3.72	2.07	1.95
Tài sản dài hạn	**220**	**217**	**214**	**212**	**209**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	14.6	14.1	13.6	13.1	12.6
Bất động sản đầu tư	205	203	201	198	197
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**611**	**565**	**557**	**634**	**605**
Nợ ngắn hạn	**565**	**519**	**512**	**589**	**561**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	439	372	343	431	383
Phải trả người bán ngắn hạn	88.4	114	141	144	165
Nợ dài hạn	46.5	46.2	45.7	45.4	44.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**397**	**395**	**397**	**396**	**397**
Vốn chủ sở hữu	**397**	**395**	**397**	**396**	**397**
Vốn điều lệ	312	312	312	312	312
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)